

## HIỆU QUẢ KINH TẾ CHUỖI GIÁ TRỊ VÁN BÓC TẠI TỈNH YÊN BÁI

Nguyễn Gia Kiêm<sup>1</sup>, Hoàng Liên Sơn<sup>1</sup>, Võ Đại Hải<sup>2</sup>,  
Nguyễn Xuân Hậu<sup>1</sup>, Hoàng Tuấn Huy<sup>1</sup>, Phan Thị Hà Anh<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Lâm nghiệp

<sup>2</sup>Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

### TÓM TẮT

Nghiên cứu hiệu quả kinh tế chuỗi giá trị ván bóc tại tỉnh Yên Bái được thực hiện với 96 hộ gia đình trồng rừng, 01 công ty lâm nghiệp, 05 thương nhân thương mại gỗ, 09 cơ sở chế biến ván bóc và một số cán bộ quản lý ở địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy, để sản xuất 1 m<sup>3</sup> ván bóc cần sản lượng gỗ nguyên liệu bình quân là từ 1,55 m<sup>3</sup> - 1,65 m<sup>3</sup> gỗ có đường kính tối thiểu là 10 cm. Lợi nhuận ròng toàn chuỗi đạt từ 538.437 đồng đến 812.853 đồng; trong đó, lợi nhuận khâu chế biến là cao nhất, đạt từ 173.513 đồng đến 317.369 đồng, chiếm tỷ trọng từ 31,78% đến 34,52% và khâu đạt lợi nhuận thấp nhất là khâu thương mại ván bóc đạt từ 13,93% đến 14,15%. Giá trị gia tăng (VA) toàn chuỗi đạt từ 1.391.288 đồng đến 1.753.432 đồng; trong đó, VA khâu khai thác thương mại gỗ và khâu chế biến ván bóc là cao nhất, đạt từ 521.125 đồng đến 777.769 đồng, chiếm tỷ trọng từ 35,77% đến 44,36%. Trong khi khâu trồng rừng có giá trị gia tăng đạt thấp nhất, từ 150.843 đồng đến 163.470 đồng, chiếm tỷ trọng từ 9,32% đến 10,84%. Như vậy, khâu chế biến đạt giá trị gia tăng cao nhất, chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chuỗi cung từ khâu trồng rừng - khai thác thương mại gỗ - chế biến ván bóc. Do đó, hiệu quả kinh tế theo chuỗi giá trị ván bóc được quyết định từ việc lựa chọn nguồn nguyên liệu đầu vào có chất lượng tốt, tăng tỷ trọng sử dụng nguồn lực lao động có chất lượng, áp dụng quy trình, công nghệ tiên tiến và máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên sản xuất, tăng tỷ lệ thành khí trong chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra để đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của khách hàng từ đó đảm bảo giá bán và lợi ích phù hợp với năng lực sản xuất. Để nâng cao hiệu quả kinh tế và giá trị gia tăng cho toàn chuỗi thì cần có sự hình thành các mối liên kết ngang và dọc theo chuỗi giá trị, từ đó giá trị gia tăng của khâu trồng rừng được cải thiện nhằm thúc đẩy sản xuất chế biến phát triển và đảm bảo tuân thủ truy xuất nguồn gốc gỗ hợp pháp trong toàn chuỗi.

**Từ khóa:** Hiệu quả kinh tế, chuỗi giá trị, ván bóc, tỉnh Yên Bái

### ECONOMIC EFFICIENCY OF PEELED VENEER VALUE CHAIN IN YEN BAI PROVINCE

Nguyen Gia Kiem<sup>1</sup>, Hoang Lien Son<sup>1</sup>, Vo Dai Hai<sup>2</sup>,  
Nguyen Xuan Hau<sup>1</sup>, Hoang Tuan Huy<sup>1</sup>, Phan Thi Ha Anh<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Forestry Economic Research Center

<sup>2</sup>Vietnamese Academy of Forest Sciences

### SUMMARY

The study on the economic efficiency of the peeled veneer value chain in Yen Bai province was conducted with 96 afforestation households, 01 forestry company, 05 timber traders, 09 peeled veneer processing facilities and a number of local managers. The research results showed that to produce 1m<sup>3</sup> of peeled veneer, the average output of raw wood is from 1.55 to 1.65 m<sup>3</sup> of wood with a minimum diameter of 10cm. Net profit (NPr) of the whole chain reached from 538,437 VND to 812,853 VND; in which, the profit of the processing stage was the highest, reaching from 173,513 VND to 317,369 VND, accounting for the proportion from 31.78% to 34.52% and the stage with the lowest profit was the trading step of peeled veneer from 13.93% to 14.15% of the whole chain. The added value (VA) of the whole chain reached from 1,391,288 VND to 1,753,432 VND; in which, VA in the stage of timber harvesting and processing of peeled veneer is the highest, reaching from 521,125 VND to 777,769 VND, accounting for from 35.77% to 44.36%. The lowest VA is the stage of planting forests to create raw materials from 150,843 VND to 163,470 VND, accounting for 9.32% to 10.84% of the whole chain. While the plantation forest stage has the lowest added value, from 150,843 VND to 163,470 VND, accounting for 9.32% to 10.84%. Thus, the processing stage reaches the highest added value, accounting for a large proportion

in the entire supply chain from Plantation - Harvesting and timber trade of raw materials - Processing. Therefore, the economic efficiency along the peeled veneer value chain is determined from the selection of good quality input materials, increasing the proportion of using quality labor resources, applying advanced processes, technologies and modern machinery and equipment to improve the efficiency of using production resources, increasing the rate of using wood in processing, improving the quality of output products to best meet the requirements of customers, thereby ensuring appropriate selling prices and benefits in accordance with production capacity. In order to improve economic efficiency and added value for the whole chain, it is necessary to form horizontal and vertical links along the value chain, from which the added value of plantation is improved to promote production, processing and development and ensure compliance with legal timber traceability throughout the chain.

**Keywords:** Economic efficiency, value chain, peeled veneer, Yen Bai province

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo sự liên kết giữa các khâu trồng rừng với chế biến và thương mại lâm sản nhằm đảm bảo tính bền vững sản xuất lâm nghiệp là một yêu cầu bắt buộc trong giai đoạn hiện nay. Đây cũng là quan điểm và định hướng chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được nêu rõ trong Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Yên Bái có khoảng 520 cơ sở chế biến gỗ, trong đó có 362 cơ sở sản xuất ván bóc, cho thấy tầm quan trọng của sản xuất ván bóc trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Trong tổng số 362 cơ sở chế biến ván bóc trên địa bàn tỉnh Yên Bái có 33 doanh nghiệp, công ty và 329 cơ sở quy mô hộ gia đình (HGD) (Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái, 2022). Để nâng cao hiệu quả kinh tế, giá trị các sản phẩm gỗ và đảm bảo thuận lợi trong việc truy xuất nguồn gốc gỗ hợp pháp, một số doanh nghiệp chế biến lớn đã đi vào sản xuất nâng cao giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng khép kín chu trình theo chuỗi giá trị, tạo lập sự gắn kết trong sản xuất giữa vùng nguyên liệu với nhà máy chế biến. Chất lượng và khối lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu và đánh giá trước đây chỉ tập trung phân tích và đánh giá hiệu quả kinh tế của từng khâu sản xuất đơn lẻ trong chuỗi giá trị như hiệu quả kinh tế khâu trồng rừng, hiệu quả kinh tế khâu chế biến,...

chưa đánh giá trên phạm vi tổng thể chuỗi giá trị để từ đó xác định được vai trò quan trọng của từng khâu, phân tích và xác định được các yếu tố nâng cao hiệu quả kinh tế của chuỗi giá trị. Đây cũng là yêu cầu của Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 10/3/2022 theo Quyết định số 327/QĐ-TTg.

Bài viết này trình bày kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế chuỗi giá trị ván bóc ở tỉnh Yên Bái. Đây là một trong các kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN trọng điểm cấp Bộ: “Nghiên cứu nâng cao hiệu quả kinh tế của các chuỗi giá trị gỗ rừng trồng, đáp ứng yêu cầu gỗ hợp pháp và quản lý rừng bền vững” do Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thực hiện trong giai đoạn 2022 - 2024.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu

Phương pháp nghiên cứu chung được áp dụng là đánh giá nông thôn có sự tham gia (Participatory Rural Appraisal) với công cụ chính là phỏng vấn bán cấu trúc (Nguyễn Duy Cần & Nico Vromant, 2009). Quá trình nghiên cứu được thực hiện qua 2 bước:

Bước 1: Phỏng vấn các cơ quan quản lý chuyên trách về lâm nghiệp là Sở NN&PTNT và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái để nắm bắt tình hình chung về sản xuất ván bóc, cấu trúc và

đặc điểm của chuỗi giá trị ván bóc trên địa bàn tỉnh Yên Bái từ khâu tạo nguyên liệu cho đến khai thác, vận chuyển, chế biến và thương mại ván bóc. Đối tượng phỏng vấn ở mỗi đơn vị là 1 lãnh đạo và 2 cán bộ kỹ thuật. Trên cơ sở kết quả phỏng vấn, lựa chọn huyện Yên Bình và huyện Văn Chấn làm địa điểm nghiên cứu đánh giá chi tiết.

Bước 2: Tiến hành khảo sát, thu thập thông tin và số liệu chi tiết để đánh giá hiệu quả kinh tế các khâu trong chuỗi giá trị ván bóc, cụ thể như sau:

*\* Khâu trồng rừng tạo nguyên liệu:*

- Đối tượng: Chọn ngẫu nhiên 96 hộ gia đình có trồng rừng nguyên liệu cung cấp cho sản xuất ván bóc, trong đó 57 hộ gia đình tại xã Phú Thịnh và 39 hộ gia đình tại xã Đại Đồng thuộc huyện Yên Bình và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngòi Lao (Công ty lâm nghiệp) để phỏng vấn kết hợp với khảo sát thực địa rừng trồng.

- Nội dung phỏng vấn hộ gia đình và Công ty lâm nghiệp tập trung vào các vấn đề sau đây:

+ Thông tin về các chi phí sản xuất như: Chi phí mua cây giống, phân bón, thuốc trừ sâu, chi phí nhân công lao động trong trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, chi phí thuê máy móc, thiết bị đào hố, máy phát cỏ,...

+ Thông tin về doanh thu bán rừng và gỗ khai thác.

*\* Khâu khai thác, vận chuyển và thương mại gỗ nguyên liệu:*

- Đối tượng phỏng vấn gồm: 96 hộ trồng rừng đã lựa chọn trên đây và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngòi Lao. Ngoài ra, chọn 5 thương lái chuyên thực hiện mua rừng, khai thác, vận chuyển và thương mại gỗ cho sản xuất ván bóc trên địa bàn huyện Yên Bình, Yên Bái.

- Nội dung phỏng vấn tập trung vào các vấn đề sau đây:

+ Thông tin về chi phí: Chi phí mua rừng (mua cây đứng), chi phí thuê nhân công khai thác, máy móc thiết bị, xe vận chuyển gỗ, chi phí làm đường vận xuất - vận chuyển trong khai thác rừng, các khoản thuế phải nộp,...

+ Thu thập thông tin về doanh thu bán gỗ.

*\* Khâu chế biến ván bóc:*

- Đối tượng: Lựa chọn nghiên cứu điểm tại 4 doanh nghiệp chế biến và 5 cơ sở chế biến ván bóc quy mô hộ gia đình trên địa bàn huyện Yên Bình.

- Nội dung phỏng vấn tập trung vào các vấn đề sau đây:

+ Thông tin về chi phí: Chi phí mua gỗ nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, chi phí nhiên liệu, năng lượng, nhân công sản xuất, chi phí khấu hao máy móc thiết bị, các khoản thuế phải nộp, ... trong quá trình chế biến, sản xuất ván bóc.

+ Thông tin về doanh thu bán sản phẩm ván bóc và phụ phẩm tạo ra từ sản xuất ván bóc.

*\* Khâu thương mại ván bóc:*

- Đối tượng: Lựa chọn 4 doanh nghiệp chế biến và 5 cơ sở chế biến ván bóc quy mô hộ gia đình trên địa bàn huyện Yên Bình nêu trên. Các cơ sở chế biến cũng có vai trò là thương mại ván bóc khi thực hiện thu mua ván của các cơ sở chuyên bóc ván và sau đó bán lại cho các cơ sở sản xuất ván dán khác.

- Nội dung phỏng vấn tập trung vào các vấn đề sau đây:

+ Thông tin về chi phí: Chi phí mua ván bóc cho mục đích thương mại, chi phí nhiên liệu, năng lượng, nhân công, chi phí khấu hao máy móc thiết bị, các khoản thuế phải nộp, ... trong quá trình thương mại ván bóc.

+ Thông tin về doanh thu bán sản phẩm ván bóc ra thị trường.

Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết này sẽ đánh giá hiệu quả kinh tế chuỗi giá trị ván bóc

tính đến thời điểm các cơ sở sản xuất ván bóc thực hiện sản xuất, mua - bán sản phẩm ván bóc cho người thu gom hoặc các nhà máy sản xuất ván dán khác.

## 2.2. Phương pháp xử lý thông tin, số liệu

Phân tích, xem xét các mối quan hệ lợi ích bằng tiền giữa các tác nhân trong chuỗi, xác định dòng luân chuyển của sản phẩm từ khâu này đến khâu khác để phân tích quá trình tạo ra lợi nhuận, giá trị gia tăng và phân bố ở từng khâu. Để có cơ sở đánh giá, trước tiên là xác định một hệ thống thông tin đã được thu thập về chi phí và thu nhập trong sản xuất từ các khâu trong chuỗi như sau:

*\* Chi phí trung gian (IC), bao gồm:*

Mua nguyên vật liệu chính; Chi phí nhiên liệu, vật tư và dịch vụ mua ngoài; Chi phí quản lý khác.

*\* Giá trị gia tăng (VA), bao gồm:*

Lương nhân viên (W); Các khoản thuế phải nộp (T); Chi phí tài chính, lãi vay (FF); Khấu hao tài sản cố định (A); Lợi nhuận ròng (NPr).

*\* Tổng doanh thu (TDT), bao gồm:*

- Từ sản phẩm chính (ván bóc).
- Từ sản phẩm phụ (lõi, ván rách, vò...).

*Các bước phân tích:*

- *Bước 1:* Phân tích lợi ích của từng tác nhân trong chuỗi giá trị.
- *Bước 2:* Tổng hợp lợi ích của từng tác nhân trong chuỗi để xác định lợi ích tổng thể chuỗi giá trị.

Nghiên cứu thu thập thông tin và tính toán các giá trị tại mỗi khâu trong chuỗi và tổng thể chuỗi giá trị. Tỷ lệ sử dụng gỗ nguyên liệu bình quân trong sản xuất ván bóc là 1:1,6 tương ứng với việc sản xuất 1 m<sup>3</sup> ván bóc cần 1,6 m<sup>3</sup> gỗ tròn nguyên liệu.

Phương pháp xác định các giá trị các tại mỗi khâu sản xuất như sau:

Giá trị gia tăng (VA):

$$VA = TDT - IC \quad (1)$$

*Trong đó:*

+ TDT là tổng doanh thu tiêu thụ sản phẩm, bao gồm tổng doanh thu từ sản phẩm chính và doanh thu từ sản phẩm phụ được tạo ra trong quá trình sản xuất sản phẩm chính.

+ IC là chi phí trung gian được tổng hợp từ các chi phí về yếu tố vật chất tham gia vào quá trình sản xuất ván bóc.

Lợi nhuận ròng (NPr):

$$NPr = VA - (W + T + FF + A) \quad (2)$$

Các số liệu thu thập được sẽ được tổng hợp và xử lý trên phần mềm Excel.

*\* Các chỉ tiêu phân tích như sau:*

Hiệu quả kinh tế của một chuỗi giá trị là tổng thể hiệu quả kinh tế của các khâu sản xuất trong chuỗi. Sau khi đánh giá và phân tích các chỉ tiêu phân tích cho từng khâu trong chuỗi giá trị, tổng hợp để phân tích và đánh giá cho tổng thể chuỗi giá trị ván bóc.

- Phân tích lợi nhuận và khả năng sinh lợi nhuận trong tổng thể chuỗi giá trị ván bóc:

+ Lợi nhuận ròng (NPr) tổng thể = Tổng NPr các khâu trong chuỗi.

+ Chỉ tiêu phân tích NPr/TCP để đánh giá khả năng sinh lợi nhuận trên 1 đồng tổng chi phí tạo ra sản phẩm tại mỗi khâu sản xuất và tổng thể chuỗi.

+ Chỉ tiêu phân tích NPr/TDT để đánh giá khả năng sinh lợi nhuận trên 1 đồng tổng doanh thu sản phẩm tại mỗi khâu sản xuất và tổng thể chuỗi.

- Phân tích giá trị gia tăng tổng thể chuỗi giá trị ván bóc:

+ Chỉ tiêu Giá trị gia tăng (VA) = Tổng VA các khâu trong chuỗi.

+ Chỉ tiêu phân tích VA/TCP để đánh giá khả năng tạo VA trên 1 đồng tổng chi phí tạo ra sản phẩm tại mỗi khâu sản xuất và tổng thể chuỗi.

+ Chỉ tiêu phân tích VA/TDT để đánh giá khả năng tạo VA trên 1 đồng tổng doanh thu sản phẩm tại mỗi khâu sản xuất và tổng thể chuỗi.

- Xác định khâu sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao cho chuỗi giá trị:

Các chỉ tiêu phân tích cho tổng thể chuỗi như: giá trị VA, NPr là tổng của các giá trị tại từng khâu trong chuỗi. Tại mỗi khâu sản xuất, cần so sánh giá trị VA, NPr được tạo ra và so sánh các chỉ số VA/TDT, VA/TCP, NPr/TCP, NPr/TDT để đánh giá chất lượng đầu tư sản xuất sản phẩm. Trên cơ sở đó xác định khâu sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao cho chuỗi giá trị.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Khái quát chung về chuỗi giá trị ván bóc tại tỉnh Yên Bái

Kết quả khảo sát cho thấy chuỗi giá trị ván bóc tỉnh Yên Bái được cấu trúc bao gồm 4 khâu chính: (1) Trồng rừng tạo nguyên liệu; (2) Khai thác, vận chuyển, thương mại gỗ; (3) Chế biến ván bóc, (4) Thương mại ván bóc. Từ kết quả khảo sát có thể chia chuỗi giá trị ván bóc thành 2 nhóm là: i) Chuỗi giá trị có hiệu quả kinh tế cao (viết tắt là Nhóm 1) và ii) Chuỗi giá trị có hiệu quả kinh tế thấp (viết tắt là Nhóm 2). Khái quát về tác nhân trong chuỗi như sau:

#### (1) Trồng rừng tạo nguyên liệu

Từ kết quả khảo sát cho thấy, gỗ nguyên liệu cho sản xuất ván bóc chủ yếu từ gỗ Keo tai tượng có chu kỳ kinh doanh rừng từ 6 - 8 năm được cung cấp từ HGD và Công ty lâm nghiệp, quy cách đường kính gỗ tối thiểu là 10 cm và gỗ cho sản xuất ván bóc là gỗ không có chứng chỉ rừng. Mỗi ha rừng khai thác đạt bình quân 110 m<sup>3</sup> gỗ, trong đó gỗ đạt quy cách phù hợp cho sản xuất ván bóc là 45%, tương ứng khoảng 50 m<sup>3</sup> gỗ.

Tác nhân trồng rừng thuộc nhóm 1 bao gồm 21 hộ gia đình trồng rừng và Công ty lâm nghiệp; đối với nhóm 2 gồm có 75 hộ gia đình trồng rừng. Công ty lâm nghiệp có trên 1.500 ha rừng, trong đó chiếm 70% là diện tích trồng Keo tai tượng, Công ty nhập keo hạt từ Úc và tự sản xuất giống để trồng rừng, đáp ứng trên 90% sản lượng cây giống cho trồng rừng của công ty, mật độ trồng bình quân là 1.666 cây/ha, chu kỳ kinh doanh từ 7 - 8 năm. Công ty liên kết với HGD theo hình thức giao khoán đất lâm nghiệp (khoảng 90% diện tích giao cho trên 300 hộ gia đình tại địa phương). Công ty đang trong quá trình xây dựng phương án quản lý rừng bền vững. Hoạt động sản xuất của công ty đảm bảo truy xuất tốt nguồn gốc gỗ rừng trồng hợp pháp.

Đặc điểm về hộ gia đình trồng rừng được tổng hợp trong bảng 1.

**Bảng 1.** Đặc điểm tác nhân trồng rừng tạo gỗ nguyên liệu ván bóc

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nhóm 1 (21 HGD)	Nhóm 2 (75 HGD)
1	Diện tích trên 3 ha/hộ	%	57,14	48,00
2	Tập huấn kỹ thuật và phòng cháy chữa cháy rừng	%	71,43	48,00
3	Tập huấn quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng	%	52,38	14,67
4	Mật độ trồng chủ yếu	Cây/ha	2.500 - 3.300	2.500 - 3.300
5	Biết rõ nguồn gốc cây giống	%	81,25	45,61
6	Tỷ lệ sâu bệnh hại cây	%	11,25	18,07
7	Cung cấp hồ sơ để tạo lập hồ sơ gỗ hợp pháp theo yêu cầu của khách hàng	%	33,33	16,00
8	Liên kết trong trồng rừng	%	38,10	14,67

Các chủ rừng thuộc nhóm 1 là nhóm kinh doanh rừng trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn có tỷ lệ tham gia tập huấn kỹ thuật trồng rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và quy trình trồng rừng theo hướng quản lý rừng bền vững cao hơn. Họ nắm bắt và kiểm soát cây giống cho trồng rừng tốt hơn, qua đó chất lượng rừng được đảm bảo, tỷ lệ sâu bệnh hại cũng giảm. Ngoài ra, chủ rừng nhóm 1 cung cấp được nhiều hồ sơ để tạo lập hồ sơ gỗ hợp pháp cho khách hàng. Đây là một ưu thế để không bị ép giá bán rừng khi tiêu thụ.

*(2) Khai thác, vận chuyển, thương mại gỗ*

Theo kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn (93,7%) diện tích rừng trồng được bán theo hình thức bán cây đứng cho thương lái khai thác theo hình thức giao dịch không có văn bản (67%). Có đến 70,3% sản lượng gỗ sau khai thác được phân loại theo các quy cách phù hợp với từng loại hình chế biến sản phẩm gỗ như: gỗ nhỏ phân loại cho dăm, gỗ có đường kính trên 10 cm được phân loại dùng chế biến ván bóc, gỗ xẻ, đồ gỗ nội thất. Ngoài ra, có đến 29,7% sản lượng gỗ sau khai thác không được phân loại và chuyên thẳng đến bán cho các nhà máy chế biến dăm, giấy. Đối với đối tượng khai thác rừng thuộc nhóm 1 (nhóm có hiệu quả kinh tế cao hơn trong khâu khai thác) thường có đội ngũ lao

động có tay nghề cao trong lĩnh vực khai thác với 33,2% trong tổng số lao động. Trong khi đó, nhóm 2 (nhóm có hiệu quả kinh tế thấp hơn) chỉ có 18,1% lao động có tay nghề cao trong tổng số lao động tham gia khai thác rừng.

*(3) Chế biến ván bóc*

Tính đến tháng 4 năm 2022, trên địa bàn tỉnh Yên Bái có 362 cơ sở chế biến ván bóc, trong đó có 329 cơ sở quy mô HGD và 33 cơ sở quy mô tổ chức/doanh nghiệp (Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái, 2022). Trang thiết bị của các cơ sở chế biến được nhập khẩu 100% từ Trung Quốc từ những năm 2008.

- Từ kết quả thống kê của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái năm 2022 cho thấy, 93,7% sản lượng ván bóc được sản xuất bởi cơ sở chế biến quy mô HGD. Giá bán ván bóc thời điểm năm 2022 dao động từ 2,6 - 3,2 triệu đồng/m<sup>3</sup> ván bóc, mức dao động đạt 19,2% là tương đối lớn và nhiều rủi ro trong sản xuất. Thị trường chính tiêu thụ ván bóc là xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và tiêu thụ tại các nhà máy sản xuất ván dán tại các doanh nghiệp chế biến trong nước. Nhìn chung, về thị trường xuất khẩu ván bóc vẫn phụ thuộc rất lớn vào thị trường Trung Quốc. Đặc điểm chính của tác nhân chế biến ván bóc tham gia khảo sát được tổng hợp trong bảng 2.

**Bảng 2.** Đặc điểm tác nhân chế biến ván bóc

Chỉ tiêu	ĐVT	Nhóm 1 (Doanh nghiệp)	Nhóm 2 (HGD)
Máy móc thiết bị hiện đại/máy móc nhập khẩu	%	97,5	35,0
Lao động có tay nghề cao trong sản xuất	%	56,7	36,7
Lựa chọn và sử dụng gỗ có chất lượng và quy cách đảm bảo cho chế biến	%	75	60
Đảm bảo hồ sơ nguồn gốc gỗ và sản phẩm ván bóc	%	100	76,4

- Trong chế biến ván bóc còn nhiều tồn tại như: thiếu liên kết bền vững theo chuỗi giá trị, thị trường ván bóc hoàn toàn phụ thuộc thị trường Trung Quốc, biến động giá lớn và nhiều rủi ro về thị trường, công nghệ sản xuất

ván bóc chưa hiện đại, chủ yếu nhập từ Trung Quốc từ những năm 2008, chưa đảm bảo được chất lượng ván bóc để có thể tham gia các thị trường quốc tế có yêu cầu chất lượng cao như Hàn Quốc, Nhật Bản,...

(4) *Thương mại ván bóc*

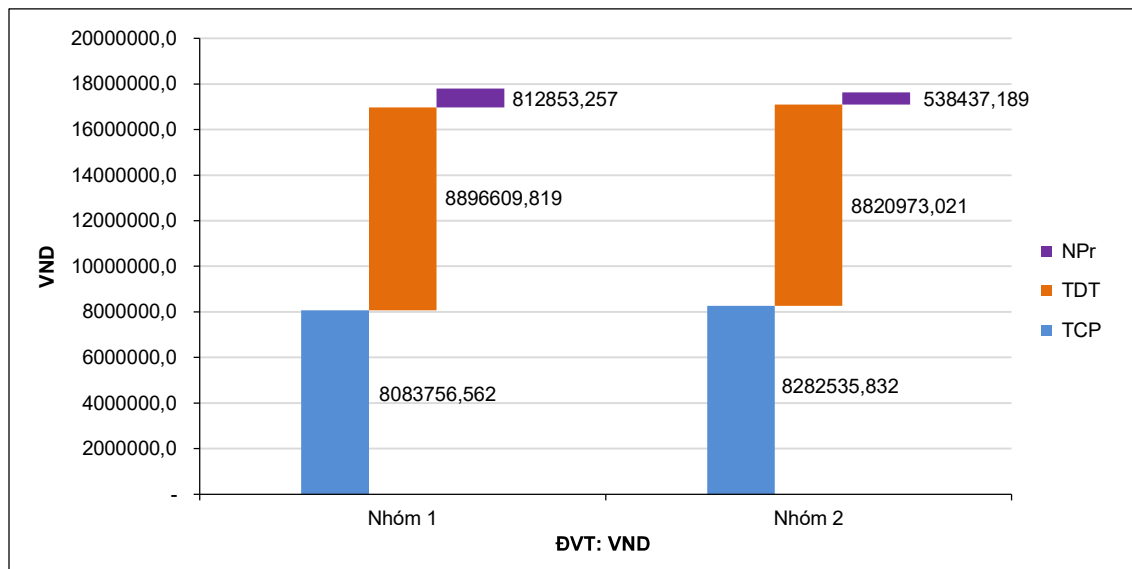
Sản lượng ván bóc hàng năm của tỉnh được sản xuất đạt khoảng hơn 430.892 m<sup>3</sup>/năm. Trong đó, 9 cơ sở được khảo sát đạt trên 23.780 m<sup>3</sup> ván bóc/năm. Hoạt động thương mại ván bóc được thực hiện bởi các thương lái thu gom trong và ngoài tỉnh, trong đó bao gồm các cơ sở chế biến ván bóc quy mô lớn trên địa bàn. Nhiều doanh nghiệp chế biến ván bóc tại Yên Bái tham gia thu mua ván bóc của các cơ sở quy mô nhỏ và tiêu thụ cho cơ sở sản xuất ván dán và các thương nhân thu gom xuất khẩu khác. Các doanh nghiệp đã tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ và đơn vị bao tiêu ván bóc để duy trì sản xuất ổn định.

**3.2. Phân tích lợi nhuận tổng thể chuỗi giá trị ván bóc**

Các chỉ tiêu phân tích như: Tổng doanh thu, tổng chi phí và lợi nhuận tổng thể chuỗi giá trị

là tổng cộng doanh thu, chi phí và lợi nhuận của các khâu trong chuỗi được tính trên 1 m<sup>3</sup> sản phẩm ván bóc. Trên thực tế, để sản xuất 1 m<sup>3</sup> ván bóc cần trung bình từ 1,55 - 1,65 m<sup>3</sup> gỗ tròn. Để đảm bảo tính đúng, tính đủ và thuận tiện trong phân tích và so sánh giá trị tại các khâu trong chuỗi, nghiên cứu này sẽ sử dụng tỷ lệ thành khí trong chế biến ván bóc nêu trên để xác định các giá trị tại khâu trồng rừng và khai thác cho chuỗi giá trị theo 2 nhóm (nhóm 1 có tỷ lệ thành khí 1,55 m<sup>3</sup> gỗ tròn; nhóm 2 có tỷ lệ thành khí 1,65 m<sup>3</sup> gỗ tròn). Riêng đối với khâu trồng rừng, tổng doanh thu, tổng chi phí và lợi nhuận rừng được tính bình quân cho 1 năm trong cả chu kỳ kinh doanh rừng trồng.

Kết quả đánh giá lợi nhuận rừng tổng thể của chuỗi giá trị theo 2 nhóm được tổng hợp trong biểu đồ 1.



**Biểu đồ 1.** Lợi nhuận tổng thể chuỗi giá trị

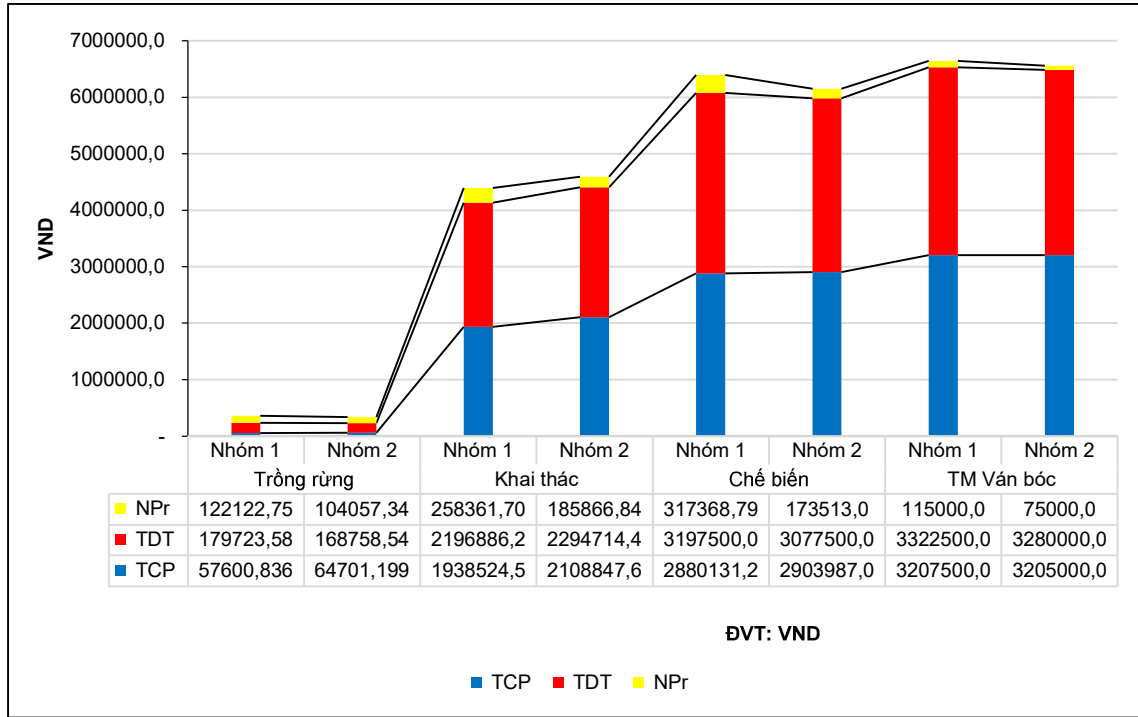
Kết quả phân tích 2 nhóm chuỗi giá trị ván bóc cho thấy, tổng doanh thu và lợi nhuận của chuỗi giá trị theo nhóm 1 cao hơn so với chuỗi giá trị nhóm 2, trong đó lợi nhuận chuỗi nhóm 1 đạt trên 812 nghìn đồng cao hơn so với nhóm 2 chỉ

đạt trên 538 nghìn đồng, tương ứng lợi nhuận cao hơn 50,9% so với lợi nhuận nhóm 1. Điều này có thể thấy từ đặc điểm về công nghệ sản xuất và chất lượng nguồn lao động trong sản xuất của các tác nhân trong chuỗi thuộc nhóm 1 đều đảm bảo



tốt hơn so với các tác nhân trong chuỗi nhóm 2. Tỷ lệ lựa chọn gỗ nguyên liệu có quy cách đảm bảo chế biến của nhóm 1 tốt hơn của nhóm 2, do đó theo kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ thành khí

từ gỗ nguyên liệu trong chế biến ván bóc nhóm 1 đạt 64,5%, và nhóm 2 thấp hơn đạt 60,6%. Phân tích lợi nhuận tại các khâu trong chuỗi giá trị được tổng hợp trong biểu đồ 2.



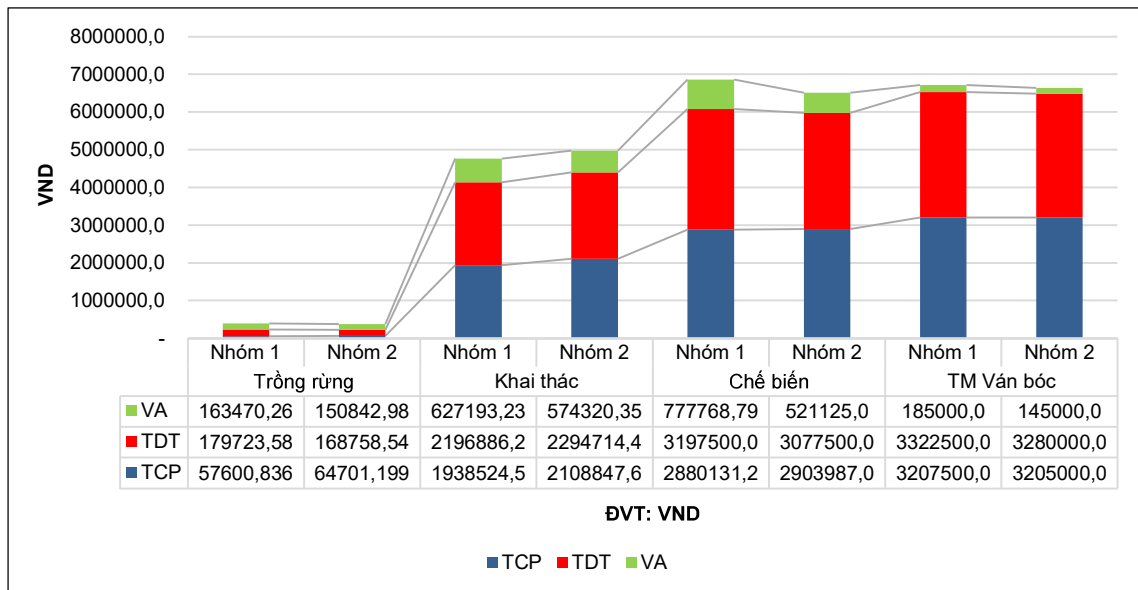
**Biểu đồ 2.** Lợi nhuận tại các khâu trong chuỗi giá trị ván bóc

Từ biểu đồ 2 có thể thấy, tại mỗi khâu trong chuỗi đều có lợi nhuận dương, trong đó lợi nhuận của khâu trồng rừng tạo nguyên liệu và khâu thương mại ván bóc có lợi nhuận thấp. Nếu đánh giá trong cùng 1 khâu sản xuất thì nhóm 1 có lợi nhuận cao hơn nhóm 2 bởi các yếu tố đầu vào cho sản xuất của chuỗi nhóm 1 đều tốt hơn đối với nhóm 2, từ đó cũng dẫn tới chi phí cho sản xuất của nhóm 1 thấp hơn của nhóm 2. Đây cũng là yếu tố cần quan tâm để tạo ra hiệu quả kinh tế trong sản xuất. Riêng đối với khâu chế biến gỗ, nhóm 1 là bao gồm các doanh nghiệp chế biến gỗ, có quy trình sản xuất bài bản, sử dụng máy móc thiết bị hiện đại và trình độ quản lý tốt hơn với quy mô chế biến hộ gia đình.

**3.3. Phân tích giá trị gia tăng tổng thể chuỗi giá trị ván bóc**

Phân tích giá trị gia tăng (GTGT) của từng khâu trong chuỗi cho thấy, khâu khai thác và chế biến ván bóc ở cả 2 nhóm đều có giá trị gia tăng lớn hơn khâu trồng rừng và thương mại ván bóc. Trong khâu khai thác và thương mại gỗ nguyên liệu, khi thị trường biến động về giá cả gỗ và sản phẩm gỗ thì các tác nhân tham gia thương mại gỗ luôn giữ cho họ một tỷ lệ lợi nhuận nhất định. Khi đó, nếu giá gỗ giảm thì thương lái gỗ sẽ giảm giá mua rừng và cây đứng của chủ rừng. Tất cả các khâu trong chuỗi đều bị ảnh hưởng bởi giá sản phẩm gỗ trên thị trường, trong đó chủ rừng là đối tượng bị ảnh hưởng và chịu tác động lớn nhất.



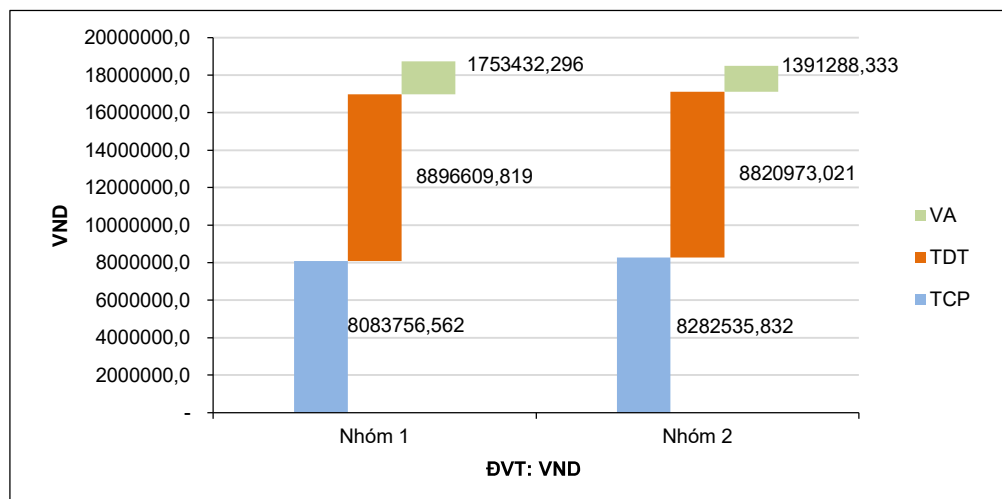


**Biểu đồ 3.** Giá trị gia tăng tại các khâu trong chuỗi giá trị ván bóc

Giá trị gia tăng khâu khai thác cao gấp hơn 3,8 lần so với khâu trồng rừng, khâu chế biến cao hơn gấp 3,5 - 4,2 lần khâu trồng rừng. Tuy nhiên, vai trò của khâu trồng rừng rất quan trọng trong việc tạo ra gỗ nguyên liệu là đầu vào cho chế biến gỗ, trong đó tại mỗi khâu sản xuất, tác nhân thuộc nhóm 1 nhờ có phương thức sản xuất tốt, sử dụng máy móc thiết bị và lực lượng lao động có chất lượng tốt hơn nhóm 2 nên giá trị gia tăng trong sản xuất cao hơn. Đặc biệt với

khâu chế biến ván bóc, GTGT nhóm 1 cao hơn nhóm 2 là 49,1%. Do vậy, chất lượng lao động và áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế của chuỗi giá trị ván bóc.

Phân tích tổng thể chuỗi giá trị cho thấy, tổng GTGT toàn chuỗi đối với chuỗi giá trị (CGT) thuộc nhóm 1 cao hơn đối với nhóm 2 là 26%. Tổng hợp GTGT của chuỗi được nêu trong biểu đồ 4.



**Biểu đồ 4.** Giá trị gia tăng tổng thể chuỗi giá trị ván bóc

**3.4. Xác định khâu sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao cho chuỗi giá trị**

Khả năng sinh lợi nhuận và giá trị gia tăng của chuỗi giá trị ván bóc thuộc nhóm 1 (nhóm có hiệu quả kinh tế cao) được đánh giá qua các chỉ tiêu NPr/TDT, VA/TDT,... Từ kết quả khảo sát cho thấy, NPr/TDT tổng thể đạt 812.853 đồng

trương ứng với 1 đồng tổng doanh thu toàn chuỗi sẽ mang lại 0,09 đồng lợi nhuận (khoảng 9% tổng doanh thu). Xét từng khâu trong chuỗi, mặc dù tỷ lệ NPr/TDT của khâu chế biến chỉ đạt 0,1, thấp hơn khâu trồng rừng và khai thác nhưng giá trị tuyệt đối NPr cao nhất, đạt 317.369 đồng đã đóng góp giá trị lớn nhất vào tổng lợi nhuận toàn chuỗi.

**Bảng 3.** Phân tích khả năng mang lại hiệu quả kinh tế của các khâu trong chuỗi giá trị thuộc nhóm 1

Chỉ tiêu	ĐVT	Các khâu trong chuỗi				
		Trồng rừng	Khai thác	Chế biến	Thương mại ván bóc	Tổng chuỗi
TCP	Đồng	57.601	1.938.525	2.880.131	3.207.500	8.083.757
TDT	Đồng	179.724	2.196.886	3.197.500	3.322.500	8.896.610
NPr	Đồng	122.123	258.362	317.369	115.000	812.853
VA	Đồng	163.470	627.193	777.769	185.000	1.753.432
NPr/TDT		0,68	0,12	0,10	0,03	0,09
NPr/TCP		2,12	0,13	0,11	0,04	0,10
VA/TDT		0,91	0,29	0,24	0,06	0,20
VA/TCP		2,84	0,32	0,27	0,06	0,22

Phân tích khả năng tạo giá trị gia tăng toàn chuỗi cho thấy, chỉ tiêu VA/TDT đạt 0,2 tương ứng với 1 đồng tổng doanh thu sẽ mang lại 0,2 đồng giá trị gia tăng toàn chuỗi. Mặc dù chỉ số VA/TDT khâu trồng rừng (đạt 0,91) và khai thác (đạt 0,29) lớn hơn khâu chế biến (đạt 0,24), nhưng giá trị VA của khâu chế biến lớn (đạt 777.769 đồng), đóng góp giá trị gia tăng lớn nhất cho toàn chuỗi.

Tương tự chuỗi giá trị nhóm 1, đối với chuỗi giá trị nhóm 2 cho thấy, chỉ tiêu NPr/TDT toàn chuỗi đạt 0,06 tương ứng 1 đồng tổng doanh thu sẽ mang lại 0,06 đồng lợi nhuận. Đối với từng khâu sản xuất, giá trị NPr của khâu khai thác là lớn nhất, tiếp đến là khâu chế biến ván bóc. Mặc dù vậy, vai trò của khâu trồng rừng là rất quan trọng, đây là khâu tạo ra gỗ nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.

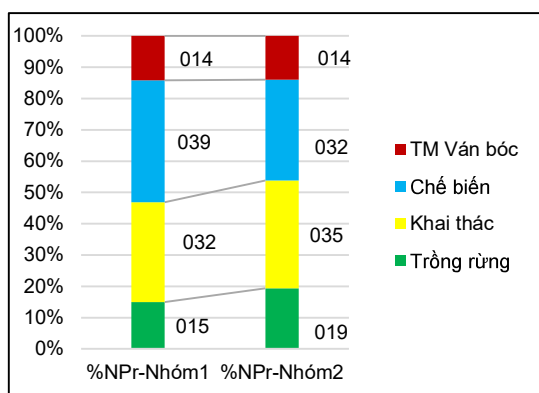
**Bảng 4.** Phân tích khả năng mang lại hiệu quả kinh tế của các khâu trong chuỗi giá trị thuộc nhóm 2

Chỉ tiêu	ĐVT	Các khâu trong chuỗi				
		Trồng rừng	Khai thác	Chế biến	Thương mại ván bóc	Tổng chuỗi
TCP	Đồng	64.701	2.108.848	2.903.987	3.205.000	8.282.536
TDT	Đồng	168.759	2.294.714	3.077.500	3.280.000	8.820.973
NPr	Đồng	104.057	185.867	173.513	75.000	538.437
VA	Đồng	150.843	574.320	521.125	145.000	1.391.288
NPr/TDT		0,62	0,08	0,06	0,02	0,06
NPr/TCP		1,61	0,09	0,06	0,02	0,07
VA/TDT		0,89	0,25	0,17	0,04	0,16
VA/TCP		2,33	0,27	0,18	0,05	0,17

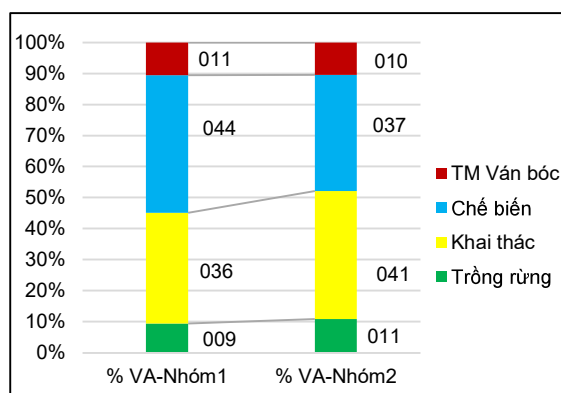
Khả năng mang lại giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị qua chỉ tiêu VA/TDT đạt 0,16 tương ứng với 1 đồng tổng doanh thu sẽ mang lại 0,16 đồng giá trị gia tăng toàn chuỗi, trong đó khâu trồng rừng có giá trị lớn nhất đạt 0,89 nhưng giá trị VA đóng góp cho toàn chuỗi là rất nhỏ. Khâu khai thác và chế biến có chỉ số VA/TDT không lớn nhưng giá trị VA đóng góp cho toàn chuỗi lại rất cao, gấp 3,4 - 3,8 so với khâu trồng

rừng và dòng luân chuyển vốn đầu tư tính theo tháng nhanh hơn so với khâu trồng rừng có chu kỳ 6 - 8 năm.

Phân tích cơ cấu lợi nhuận và giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị ván bóc theo 2 nhóm cho thấy, khâu khai thác và chế biến gỗ có tỷ trọng lớn hơn khâu trồng rừng và thương mại ván bóc. Tổng hợp cơ cấu đóng góp của các khâu trong chuỗi thể hiện trong biểu đồ 5 và biểu đồ 6.



**Biểu đồ 5.** Cơ cấu lợi nhuận trong tổng thể CGT ván bóc



**Biểu đồ 6.** Cơ cấu GTGT trong tổng thể CGT ván bóc

Từ giá trị NPr và VA của khâu khai thác và khâu chế biến ván bóc lớn đã đóng góp tỷ trọng lớn trong toàn chuỗi giá trị. Đây là 2 khâu có vai trò quan trọng trong chuỗi. Tuy nhiên, khi xem xét so sánh chuỗi giá trị theo 2 nhóm thì hiệu quả kinh tế chuỗi giá trị ván bóc theo nhóm 1 lớn hơn của nhóm 2.

Với kết quả này chúng ta có thể thấy, khâu chế biến ván bóc là khâu quan trọng nhất và có đóng góp giá trị về hiệu quả kinh tế lớn nhất trong toàn chuỗi. Để nâng cao hiệu quả kinh tế chuỗi giá trị ván bóc, cần đầu tư lựa chọn tốt từ nguyên liệu đầu vào cho sản xuất ở tất cả các khâu, tăng tỷ trọng sử dụng nguồn lực lao động có chất lượng, áp dụng quy trình, công nghệ tiên tiến và máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên sản xuất, tăng tỷ lệ thành phẩm đầu ra để đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của khách hàng từ đó đảm bảo giá bán và lợi ích phù hợp với năng lực sản xuất. Hình thành các

mối liên kết ngang và dọc theo chuỗi giá trị để đảm bảo tính bền vững cho sản xuất và dễ dàng thực hiện đảm bảo truy xuất nguồn gốc gỗ hợp pháp trong toàn chuỗi.

**IV. KẾT LUẬN**

- Chuỗi giá trị ván bóc trên địa bàn tỉnh Yên Bái được cấu trúc gồm 4 khâu chính: (1) Trồng rừng tạo nguyên liệu; (2) Khai thác, vận chuyển, thương mại gỗ; (3) Chế biến ván bóc; (4) Thương mại ván bóc.

- Loài cây trồng rừng cung cấp gỗ nguyên liệu cho ván bóc chủ yếu là Keo tai tượng có chu kỳ kinh doanh tối thiểu là 6 năm; gỗ cho sản xuất ván bóc có quy cách đường kính gỗ tối thiểu là 10 cm và không có chứng chỉ rừng. 93,7% sản lượng ván bóc được sản xuất bởi cơ sở chế biến quy mô HGĐ. Giá bán ván bóc thời điểm năm 2022 dao động từ 2,6 - 3,2 triệu đồng/m<sup>3</sup> ván bóc.

- Để sản xuất 1 m<sup>3</sup> ván bóc cần sản lượng gỗ nguyên liệu bình quân là từ 1,55 - 1,65 m<sup>3</sup> gỗ có đường kính tối thiểu là 10 cm. Lợi nhuận ròng toàn chuỗi đạt từ 538.437 đồng đến 812.853 đồng; trong đó, lợi nhuận khâu chế biến là cao nhất, đạt từ 173.513 đồng đến 317.369 đồng, chiếm tỷ trọng từ 31,78% đến 34,52% và khâu đạt lợi nhuận thấp nhất là khâu thương mại ván bóc đạt từ 13,93% đến 14,15% toàn chuỗi.

- VA toàn chuỗi đạt từ 1.391.288 đồng đến 1.753.432 đồng; trong đó, VA khâu khai thác thương mại gỗ và khâu chế biến ván bóc là cao nhất, đạt từ 521.125 đồng đến 777.769 đồng, chiếm tỷ trọng từ 35,77% đến 44,36%. VA đạt thấp nhất là khâu trồng rừng tạo nguyên liệu đạt từ 150.843 đồng đến 163.470 đồng, chiếm tỷ trọng từ 9,32% đến 10,84% toàn chuỗi. Khâu khai thác và chế biến có chỉ số VA/TDT không lớn nhưng giá trị VA đóng góp cho toàn chuỗi lại rất cao, gấp 3,4 đến 3,8 so với khâu trồng rừng; bên cạnh đó, dòng luân chuyển vốn đầu tư tính theo tháng nhanh hơn so với khâu trồng rừng chu kỳ 6 - 8 năm. Mặc dù vậy, vai trò của khâu trồng rừng rất quan trọng trong việc tạo ra gỗ nguyên liệu là đầu vào cho chuỗi giá trị.

- Trong chuỗi giá trị ván bóc, khâu chế biến ván bóc là khâu quan trọng nhất và có đóng góp giá trị về hiệu quả kinh tế lớn nhất trong toàn chuỗi.

Trong khi đó, khâu trồng rừng tạo nguyên liệu gỗ phục vụ cho ngành chế biến cũng rất quan trọng, tuy nhiên, thời gian đầu tư dài mà lợi nhuận và giá trị gia tăng đạt thấp, chỉ chiếm khoảng 10% toàn chuỗi. Như vậy, cần phải có cơ chế, chính sách tổng hợp hỗ trợ phù hợp cho các khâu sản xuất.

- Để nâng cao hiệu quả kinh tế chuỗi giá trị ván bóc, các khâu trong chuỗi cần đầu tư lựa chọn tốt từ nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, tăng tỷ trọng sử dụng nguồn lực lao động có chất lượng, áp dụng quy trình, công nghệ tiên tiến và máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên sản xuất, tăng tỷ lệ thành phẩm đầu ra để đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của khách hàng từ đó đảm bảo giá bán và lợi ích phù hợp với năng lực sản xuất. Hình thành các mối liên kết ngang và dọc theo chuỗi giá trị để đảm bảo tính bền vững cho sản xuất và dễ dàng thực hiện đảm bảo truy xuất nguồn gốc gỗ hợp pháp trong toàn chuỗi.

- Để phân tích và đánh giá toàn diện CGT ván bóc nói chung trên toàn quốc, cần có thêm các nghiên cứu đối với các chuỗi giá trị ván bóc theo đa dạng loài cây gỗ với các quy định về chứng chỉ rừng khác nhau, mở rộng phạm vi không gian nghiên cứu đa dạng hơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái, 2022. Biểu thống kê các cơ sở chế biến, kinh doanh gỗ - kết quả sản xuất, kinh doanh toàn tỉnh Yên Bái đến tháng 4 năm 2022.
2. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngòi Lao, 2021. Hồ sơ thiết kế, dự toán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2022.
3. Nguyễn Duy Cần, Vico Vromant, 2009. PRA - Đánh giá nông thôn với sự tham gia của người dân. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
4. Thủ tướng Chính phủ, 2021. Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
5. Thủ tướng Chính phủ, 2022. Quyết định 327/QĐ-TTg ngày 10/3/2022 phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2030.

**Email tác giả liên hệ:** [kiemnguyengia@gmail.com](mailto:kiemnguyengia@gmail.com)

**Ngày nhận bài:** 08/08/2024

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa:** 10/08/2024; 21/08/2024

**Ngày duyệt đăng:** 04/09/2024